TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 930/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Văn Hễ.

2/ Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2981/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông N (Võ Quang N), sinh năm 1931.
Quốc tịch: Canada.
Địa chỉ: 238 N1T 2K2, Canada.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1969 – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Diệu H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 39/7/52 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1966.
Địa chỉ: 86/71/9/27 D, Phường B2, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30 tháng 5 năm 2018, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn ông N (Võ Quang N) trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Kim C tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017. Sau khi kết hôn ông ở nhà của mình tại địa chỉ 90 Q, Phường B1, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh còn bà C ở tại nhà của bà C tại địa chỉ 86/71/9/27 D, Phường B2, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng ông ghé qua nhà bà C. Ông đi về giữa Việt Nam và Canada, thời gian sống tại Việt Nam khoảng 3 đến 6 tháng trong một năm. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vấn đề tài chính và không thể hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với bà C để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông N (Võ Quang N) khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông N (Võ Quang N) khai không có.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2018 bà Huỳnh Thị Kim C trình bày: Bà và ông N (Võ Quang N) tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng chưa thật sự tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp do chênh lệch về tuổi. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Nay ông N (Võ Quang N) yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn để có điều kiện ổn định cuộc sống của riêng mỗi người.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 08/6/2018, ông N (Võ Quang N), ngày 22/6/2018, bà Huỳnh Thị Kim C và bà Nguyễn Thị Diệu H có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, nguyên đơn ông N (Võ Quang N) đang cư ngụ hợp pháp tại nước Canada thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét ông N (Võ Quang N), bà Huỳnh Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Diệu H đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N (Võ Quang N), bà Huỳnh Thị Kim C, bà

Nguyễn Thị Diệu H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của ông N (Võ Quang N) nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông N (Võ Quang N) và bà Huỳnh Thị Kim C là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì sau khi kết hôn hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, ông N (Võ Quang N) và bà Huỳnh Thị Kim C đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Bà Huỳnh Thị Kim C cũng đồng ý ly hôn với ông N (Võ Quang N). Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay N (Võ Quang N) và bà Huỳnh Thị Kim C mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của N (Võ Quang N) ly hôn bà Huỳnh Thị Kim C là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông N (Võ Quang N) phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N (Võ Quang N).

Quan hệ hôn nhân: Ông N (Võ Quang N) được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim C.

Giấy đăng ký kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017 cho ông N (Võ Quang N) và bà Huỳnh Thị Kim C không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn ông N (Võ Quang N) phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0044739 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Huỳnh Thị Kim C nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông N (Võ Quang N) thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND quận E, TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt